

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 11 năm 2021

THÔNG BÁO
Kết quả giám sát an toàn thực phẩm

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng, an toàn thực phẩm sản phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn, Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản đã tiến hành lấy 16 mẫu nông sản thực phẩm các loại để kiểm tra các chỉ tiêu an toàn thực phẩm; căn cứ kết quả phân tích của Công ty cổ phần Warranteck, các mẫu nông sản trên đảm bảo chất lượng theo quy định; riêng 02 mẫu chè xanh có phát hiện tồn dư thuốc BVTV nhưng nằm trong giới hạn cho phép theo quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm tại Thông tư 50/2016/TT-BYT (*chi tiết có phụ lục kèm theo*).

Vậy, Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thông báo đề cơ sở được lấy mẫu biết./.

Nơi nhận:

- Sở NN&PTNT (để B/C)
- Chi cục trưởng, các PCCT;
- Phòng nông nghiệp và PTNT các huyện;
Phòng Kinh tế thành phố, thị xã;
- Cơ sở được lấy mẫu (16);
- Lưu: VT, QLCL.

CHI CỤC TRƯỞNG

Phan Văn Dũng

Phụ lục. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-QLCL ngày 30 tháng 11 năm 2021 của
Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản)

TT	Tên mẫu	Ký hiệu mẫu	Địa điểm lấy mẫu	Chỉ tiêu kiểm tra	Đơn vị (m ³ /kg)	Phương pháp phân tích	Kết quả	Giới hạn cho phép
1	Chè xanh	CX-HK	Xí nghiệp chè 20/4, thôn Tân Hương, xã Hương Trà, huyện Hương Khê.	Organophosphorous pesticides BVTV nhóm lân hữu cơ	mg/kg	WRT/TM/GC/01.05 (Ref. AOAC 2007.01)	ND	-
				Pyrethroid pesticides BVTV nhóm cúc			ND	-
2	Chè xanh	CX-TS	Xí nghiệp chè Tây sơn, thôn Chế Biến, xã Sơn Kim II, huyện Hương Sơn.	Organophosphorous pesticides BVTV nhóm lân hữu cơ	mg/kg	WRT/TM/GC/01.05 (Ref. AOAC 2007.01)	ND	-
				Pyrethroid pesticides BVTV nhóm cúc			ND	-
				Ethofenprox			0.36	-
				Permethrin (Total cis and trans isomers)			0.33	20

3	Chè xanh	KA-01	Xí nghiệp chè 12/9, xã Kỳ Trung, huyện Kỳ Anh.	Organophosphorous pesticides BVTV nhóm lân hữu cơ	mg/kg	WRT/TM/GC/01.05 (Ref. AOAC 2007.01)	ND	-
				Pyrethroid pesticides BVTV nhóm cúc			ND	-
				Ethofenprox			0.45	-
4	Táo xanh Newzilan	TX-WM	Siêu thị Winmart, tòa nhà Wincom TP Hà Tĩnh.	Organophosphorous pesticides BVTV nhóm lân hữu cơ	mg/kg	WRT/TM/GC/01.05 (Ref. AOAC 2007.01)	ND	-
				Carbamate pesticides BVTV nhóm Carbamate		WRT/TM/LC/01.16:2019 (Ref. BS EN 15662:2008 Ref. AOAC 2007.01)	ND	-
5	Bưởi Tuyết Hùng	B-TH	Cơ sở kinh doanh hoa quả Tuyết Hùng, số 26, ngõ 15, đường Trần Phú, TP Hà Tĩnh. (0931 393999)	Organophosphorous pesticides BVTV nhóm lân hữu cơ	mg/kg	WRT/TM/GC/01.05 (Ref. AOAC 2007.01)	ND	-
				Carbamate pesticides BVTV nhóm Carbamate		WRT/TM/LC/01.16:2019 (Ref. BS EN 15662:2008 Ref. AOAC 2007.01)	ND	-
6	Cam Úc	C-TH		Organophosphorous pesticides BVTV nhóm lân hữu cơ	mg/kg	WRT/TM/GC/01.05 (Ref. AOAC 2007.01)	ND	-
				Carbamate pesticides BVTV nhóm Carbamate		WRT/TM/LC/01.16:2019 (Ref. BS EN 15662:2008 Ref. AOAC 2007.01)	ND	-

7	Táo Newzilan (Táo đỏ)	T-TH	Cơ sở kinh doanh hoa quả Tuyệt Hùng, số 26, ngõ 15, đường Trần Phú, TP Hà Tĩnh. (0931 393999)	Organophosphorous pesticides BVTV nhóm lân hữu cơ	mg/kg	WRT/TM/GC/01.05 (Ref. AOAC 2007.01)	ND	-
				Carbamate pesticides BVTV nhóm Carbamate		WRT/TM/LC/01.16:2019 (Ref. BS EN 15662:2008 Ref. AOAC 2007.01)	ND	-
8	Táo PuJi	T-01	Cơ sở kinh doanh hoa quả tươi Hiền Ngọc, số 84, đường Vũ Quang, TP Hà Tĩnh. (0932 296799)	Organophosphorous pesticides BVTV nhóm lân hữu cơ	mg/kg	WRT/TM/GC/01.05 (Ref. AOAC 2007.01)	ND	-
				Carbamate pesticides BVTV nhóm Carbamate		WRT/TM/LC/01.16:2019 (Ref. BS EN 15662:2008 Ref. AOAC 2007.01)	ND	-
9	Cam Miền Nam	C-03		Organophosphorous pesticides BVTV nhóm lân hữu cơ	mg/kg	WRT/TM/GC/01.05 (Ref. AOAC 2007.01)	ND	-
				Carbamate pesticides BVTV nhóm Carbamate		WRT/TM/LC/01.16:2019 (Ref. BS EN 15662:2008 Ref. AOAC 2007.01)	ND	-
10	Xoài Miền Nam (Bình Thuận)	X-ĐT	Hộ kinh doanh hoa quả Trần Thị Vinh, chợ Hòm, thị trấn Đức Thọ, huyện Đức Thọ. (0392 543523)	Organophosphorous pesticides BVTV nhóm lân hữu cơ	mg/kg	WRT/TM/GC/01.05 (Ref. AOAC 2007.01)	ND	-
				Carbamate pesticides BVTV nhóm Carbamate		WRT/TM/LC/01.16:2019 (Ref. BS EN 15662:2008 Ref. AOAC 2007.01)	ND	-

11	Ôi Miền Nam	Ô-MN	Hộ kinh doanh hoa quả Thanh Thủy, xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh.	Organophosphorous pesticides BVTV nhóm lân hữu cơ	mg/kg	WRT/TM/GC/01.05 (Ref. AOAC 2007.01)	ND	-
				Carbamate pesticides BVTV nhóm Carbamate		WRT/TM/LC/01.16:2019 (Ref. BS EN 15662:2008 Ref. AOAC 2007.01)	ND	-
12	Cam Bảo Phương	C-BP	Tổ hợp tác sản xuất cam Bảo Phương, xã Quang Thọ, huyện Vũ Quang.	Organophosphorous pesticides BVTV nhóm lân hữu cơ	mg/kg	WRT/TM/GC/01.05 (*) WRT/TM/LC/01.34	ND	-
				Carbamate pesticides BVTV nhóm Carbamate		Ref. AOAC 2007.01 BS EN 15662:2008	ND	-
13	Cam Huân Tâm	C-12	Tổ sản xuất cam Việt GAP, thôn 2 Bồng Giang, xã Đức Giang, huyện Vũ Quang. (0960 635595)	Organophosphorous pesticides BVTV nhóm lân hữu cơ	mg/kg	WRT/TM/GC/01.05 (*) WRT/TM/LC/01.34	ND	-
				Carbamate pesticides BVTV nhóm Carbamate		Ref. AOAC 2007.01 BS EN 15662:2008	ND	-
14	Cam Bảo Lê	C-14	Tổ hợp tác trồng cam Đức Hương 3, xã Đức Hương, huyện Vũ Quang.	Organophosphorous pesticides BVTV nhóm lân hữu cơ	mg/kg	WRT/TM/GC/01.05 (*) WRT/TM/LC/01.34	ND	-
				Carbamate pesticides BVTV nhóm Carbamate		Ref. AOAC 2007.01 BS EN 15662:2008	ND	-

15	Cam Long Nhâm	C-16	HTX nông nghiệp cam Khe Mây Long Nhâm, xã Hương Đô, huyện Hương Khê.	Organophosphorous pesticides BVTV nhóm lân hữu cơ	mg/kg	WRT/TM/GC/01.05 (*) WRT/TM/LC/01.34	ND	-
				Carbamate pesticides BVTV nhóm Carbamate		Ref. AOAC 2007.01 BS EN 15662:2008	ND	-
16	Cam Hoàn Thắng	C-17	HTX Nông sản Hoàn Thắng, xã Hương Trạch, huyện Hương Khê.	Organophosphorous pesticides BVTV nhóm lân hữu cơ	mg/kg	WRT/TM/GC/01.05 (*) WRT/TM/LC/01.34	ND	-
				Carbamate pesticides BVTV nhóm Carbamate		Ref. AOAC 2007.01 BS EN 15662:2008	ND	-

Ghi chú:

- **ND:** Không phát hiện

- **Các hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật nhóm Lân hữu cơ:** Trichlorfon; Triazophos; Tetrachlorvinphos; Quinalphos; Profenofos; Pirimiphos methyl; Pirimiphos ethyl; Phoxim; Phosphamidone; Phosmet; Phorate; Phenthoate; Parathion methyl; Parathion; Omethoate; Metolaclo & S-Metolactor; Methidathion; Methamidophos; Methacrisfos; Mefenoxam; Mecarbam; Malathion; Isofenphos methyl; Iprobenfos; Fenthion; Fenchlorphos; Ethoprophos; Ethion; Edifenphos; Dimethoate; Dichlorvos; Diazinon; Chlorpyrifos methyl; Chlorpyrifos; Chlorfenvinphos; Carbendazim; Cadusafos; Azinphos-methyl; Atrazine; Acephate.

- **Các hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật nhóm Cúc:** Bifenthrin, Cyfluthrin, Cyhalothrin, Cypermethrin, Deltamethrin, Ethofenprox, Fenfluthrin, Fenpropathrin, Fenvalerate, Flucythinate, Fluvaniate, Permethrin, Resmethrin, Tetramethrin I, II, Transfluthrin.

- **Các hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật nhóm Carbamate:** Isoprocab; Methiocarb; Methomyl; Oxamyl; Pirimicarb; Propham; Propoxur; Thiodicarb; Aldicarb; Aldicarb-sulfone; Aldicarb-sulfoxide; Carbaryl; Carbofuran; Carbosulfan-3 hydroxy; Chlorpropham; Iprovalicarb;